

CÔNG TY CP MINH HỮU LIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 15/CV-MHL-2024

TP HCM, ngày 01 tháng 04 năm 2024

V/v: Giải trình biến động Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Căn cứ:

- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Báo cáo tài chính ("BCTC") quý IV năm 2023 của Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên;
- Báo cáo tài chính ("BCTC") kiểm toán năm 2023 của Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên;

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Mã chứng khoán: MHL

Lời đầu tiên, Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên ("Công ty"), Mã chứng khoán: MHL xin gửi lời chào trân trọng và cảm ơn sự quan tâm, hỗ trợ của Quý cơ quan đối với Công ty chúng tôi trong suốt thời gian qua.

Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên giải trình biến động lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bán niên có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán năm 2023 như sau:

Chỉ tiêu	Số lũy kế năm 2023 tại BCTC Quý IV năm 2023 (ĐVT: đồng)	Số lũy kế năm 2023 tại BCTC kiểm toán năm 2023 (ĐVT: đồng)	Chênh lệch (ĐVT: đồng)	Biến động (%)
Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(22.923.379.632)	(40.844.944.096)	(17.921.564.464)	78%

Lỗ sau thuế lũy kế từ đầu năm đến cuối quý IV năm 2023: (22.923.379.632) đồng trong khi Lỗ sau thuế trên BCTC kiểm toán năm 2023 : (40.844.944.096) đồng. Nguyên nhân dẫn đến sự chênh lệch nêu trên là do Đơn vị kiểm toán đánh giá lại các khoản mục chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng và chi phí khác phù hợp với chuẩn mực kế toán hiện hành.

Trên đây là toàn bộ ý kiến của Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên liên quan đến nguyên nhân lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo năm 2023 có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán năm 2023 từ 5% trở lên.

Một lần nữa, Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên xin chân thành cảm ơn sự quan tâm và hỗ trợ của Quý cơ quan.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi

HDQT (để báo cáo)

Lưu VT, QLNY

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN DUY KIỀU



CÔNG TY CP MINH HỮU LIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 14/2024/CV-MHL

TP HCM, ngày 01 tháng 04 năm 2024

V/v: Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế tại BCTC kiểm toán năm 2023 và biện pháp khắc phục

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Căn cứ:

- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Báo cáo tài chính ("BCTC") kiểm toán năm 2023 của Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Mã chứng khoán: **MHL**

Lời đầu tiên, Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên ("Công ty"), Mã chứng khoán: MHL xin gửi lời chào trân trọng và cảm ơn sự quan tâm, hỗ trợ của Quý cơ quan đối với Công ty chúng tôi trong suốt thời gian qua.

Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên xin giải trình biến động lợi nhuận sau thuế trên BCTC kiểm toán năm 2023 như sau:

Chỉ tiêu	BCTC kiểm toán năm 2023 (ĐVT: đồng)	BCTC kiểm toán năm 2022 (ĐVT: đồng)	Chênh lệch (ĐVT: đồng)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(40.844.944.096)	22.600.916.625	(63.445.860.721)

Lỗ sau thuế trên BCTC kiểm toán năm 2023 : (40.844.944.096) đồng trong khi cùng kỳ năm 2022 lãi 22.600.916.625 đồng. Nguyên nhân dẫn đến thay đổi nêu trên chủ yếu là do biến động giá cả, nguồn cung nguyên vật liệu nên khiến giá vốn hàng bán tăng trong khi Công ty không thể hạ giá thành sản phẩm để cạnh tranh dẫn đến doanh thu sụt giảm so với cùng kỳ năm 2022. Thêm vào đó công ty cũng tăng trích lập dự phòng dẫn đến chi phí quản lý doanh nghiệp tăng cũng là một trong những nguyên nhân trọng yếu dẫn đến lợi nhuận của doanh nghiệp trong năm 2023 sụt giảm so với cùng kỳ năm trước.



CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

MINH HUU LIEN JOINT STOCK COMPANY

41-43, Đường D1, Khu dân cư Him Lam, P. Tân Hưng, Q.7, TP.HCM

ĐT: 84.028 6287 4071 Fax: 84.028 6287 4081 Web: www.minghuulien.com.vn

Biện pháp khắc phục: Hội đồng quản trị của Công ty đang nỗ lực thay đổi phương án kinh doanh để mang lại lợi nhuận cho Công ty.

Trên đây là toàn bộ ý kiến của Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên liên quan đến nguyên nhân lợi sau thuế tại Báo cáo tài chính kiểm toán 2023 thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước và đưa ra Biện pháp khắc phục để mang lại lợi nhuận cho Công ty.

Một lần nữa, Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên xin chân thành cảm ơn sự quan tâm và hỗ trợ của Quý cơ quan.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi

HDQT (để báo cáo)

Lưu VT, QLNY

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN DUY KIỀU

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Công ty thành viên của JPA International
Trụ sở chính : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM
Tel : +84 (28) 3859 4168 Fax : +84 (28) 3859 2285
Email : contact@vietvalues.com Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	02 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 30 tháng 09 năm 2023	07 - 08
4. Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023	11 - 31
7. Phụ lục số 01 – Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	32
8. Phụ lục số 02 – Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	33



CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, phường Tân Hưng, quận 7, Tp.HCM, Việt Nam

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty.

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305173769, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 8 năm 2007 và các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi sau đó, với lần đăng ký thay đổi gần nhất là lần thứ 17 ngày 17 tháng 02 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ: 54.309.230.000 (Năm mươi bốn tỷ ba trăm lẻ chín triệu hai trăm ba mươi nghìn) đồng.

Công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là MHL.

2. Trụ sở hoạt động

• Trụ sở chính

- Địa chỉ : 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, phường Tân Hưng, quận 7, Tp.HCM, VN
- Điện thoại : 0869 788 935
- Email : info@minhhuulien.com
- Mã số thuế : 0 3 0 5 1 7 3 7 6 9

• Thông tin về chi nhánh

Nhà máy - chi nhánh (Hạch toán phụ thuộc):

- Địa chỉ : Lô B22, đường D2, KCN Phú An Thạnh, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An
- Điện thoại : + 84 (27) 2 3637 960
- Email : boi.huynh@minhhuulien.com
- Mã số thuế : 0 3 0 5 1 7 3 7 6 9 – 0 0 2

3. Ngành nghề hoạt động

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại.



CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, phường Tân Hưng, quận 7, Tp.HCM, Việt Nam

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

4. Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc**4.1 Hội đồng Quản trị**

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Huỳnh Đình Thành	Chủ tịch	06/05/2022	-
Ông Khương Đức Cường	Thành viên	30/03/2022	-
Ông Đỗ Tiến Đạt	Thành viên	07/04/2023	-
Bà Trần Duy Kiều	Thành viên	07/04/2023	-
Ông Ngô Việt Phương	Thành viên	07/04/2023	-
Ông Khuru Chí Cường	Thành viên	05/05/2022	07/04/2023
Ông Nguyễn Đăng Duy Hải	Thành viên	05/05/2022	07/04/2023
Ông Nguyễn Quang Hải	Thành viên	05/05/2022	07/04/2023

4.2 Ban Kiểm soát

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Khương Sĩ Toàn	Trưởng ban	21/04/2023	-
Bà Nguyễn Ngọc Diễm	Trưởng ban	11/05/2022	21/04/2023
Ông Nguyễn Bất Hưng	Thành viên	07/04/2023	-
Ông Nguyễn Đức Lâm Duy	Thành viên	07/04/2023	-
Ông Ngô Việt Phương	Thành viên	05/05/2022	07/04/2023
Ông Trần Duy Bình	Thành viên	05/05/2022	07/04/2023

4.3 Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Trần Duy Kiều	Tổng Giám đốc	17/02/2023	-
Ông Khương Chí Cường	Tổng Giám đốc	30/03/2022	17/02/2023
Ông Lê Thanh Phương	Kế toán trưởng	11/05/2022	-

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Trần Duy Kiều	Tổng Giám đốc	17/02/2023	-
Ông Huỳnh Đình Thành	Chủ tịch	06/05/2022	17/02/2023

6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023 được thể hiện trong Báo cáo tài chính tổng hợp từ trang 07 đến trang 33.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, phường Tân Hưng, quận 7, Tp.HCM, Việt Nam

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Báo cáo tài chính tổng hợp của công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc giai đoạn tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023 của Công ty.

9. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023. Trong việc lập các Báo cáo tài chính tổng hợp này, Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các số kế toán có liên quan, thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

10. Phê duyệt các Báo cáo tài chính tổng hợp

Chúng tôi, các thành viên Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 09 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



HUYNH ĐÌNH THÀNH

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 4 năm 2024.



Số: 2286/2/BCKT/AUD-VIETVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên, được lập tại ngày 01 tháng 4 năm 2024, từ trang 07 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 09 năm 2023, Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Theo thuyết minh tại mục V.6 – Hàng tồn kho trong Thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo, Công ty có kiểm kê hàng tồn kho đúng với số lượng theo dõi trên sổ sách tại ngày 30/09/2023. Tuy nhiên, chúng tôi không thể chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho tại thời điểm đó do tại thời điểm đó chúng tôi chưa được bổ nhiệm làm kiểm toán. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi cũng không thể đưa ra ý kiến về số lượng hàng tồn kho tại thời điểm 30/09/2023, với giá trị được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp là 9.419.621.088 đồng. Ngoài ra, Công ty chưa đánh giá tình trạng, phẩm chất của hàng tồn kho để trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có). Với các tài liệu hiện có tại Công ty, chúng tôi chưa thu thập được bằng chứng để xác định được giá trị thuần của hàng tồn kho cuối năm này bằng các thủ tục kiểm toán khác;

- Trên cơ sở kiểm tra chứng từ nhập kho hàng hóa (tài khoản 156), chúng tôi nhận thấy rằng các nghiệp vụ đã ghi nhận trên sổ sách có đầy đủ biên bản bàn giao được ký nhận giữa bên mua và bên bán nhưng chưa có hoá đơn GTGT đầu vào tương ứng với giá trị hàng hóa nhập kho đã ghi sổ là 29.195.814.693 đồng. Đồng thời, doanh thu bán hàng tương ứng đã ghi sổ với số tiền là 29.516.502.560 đồng nhưng chưa xuất hóa đơn GTGT đầu ra. Do đó, chúng tôi không thể xác định tính phát sinh của các nghiệp vụ đã hạch toán.

Từ các hạn chế nêu trên, chúng tôi không có đủ cơ sở xác định ảnh hưởng của các vấn đề này đến tình hình tài chính tại ngày 30/09/2023, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ (nếu có) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Theo thuyết minh báo cáo tài chính mục VIII.4 – Khả năng hoạt động liên tục: Công ty đang tạm dừng các hoạt động sản xuất kinh doanh và chưa có khả năng thanh toán các khoản vay và các khoản nợ phải trả đã quá hạn với số tiền đã quá hạn lần lượt là 67.325.052.452 đồng và 22.162.007.885 đồng. Việc hoạt động liên tục của công ty phụ thuộc vào khả năng đàm phán của công ty với các chủ nợ về việc thanh toán các khoản nợ vay đến hạn và quá hạn thanh toán. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, phát hành báo cáo ngày 29 tháng 12 năm 2022, đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 4 năm 2024.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - VIETVALUES



Trần Văn Hiệp – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2141-2023-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Nguyễn Thị Tuyết Vân – Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2839-2020-071-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VIETVALUES

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: Số 253/10 Lương Định Của, Phường An Phú, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2023

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		117.791.149.940	132.452.351.528
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	53.195.638	2.187.114.459
111	1. Tiền		53.195.638	2.187.114.459
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		106.719.137.965	118.650.058.954
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	84.355.599.152	109.520.158.033
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	40.964.032.427	13.845.545.211
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.4	1.584.434.453	56.437.442
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.5	(20.184.928.067)	(4.772.081.732)
140	IV. Hàng tồn kho	V.6	9.419.621.088	9.818.342.146
141	1. Hàng tồn kho		9.419.621.088	9.818.342.146
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.599.195.249	1.796.835.969
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		271.188.804	466.173.774
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.12	1.328.006.445	1.330.662.195
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		54.410.653.600	62.560.191.692
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		156.000.000	156.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác		156.000.000	156.000.000
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	-
220	II. Tài sản cố định		33.816.701.533	41.303.733.083
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	33.810.093.102	41.270.690.848
222	- Nguyên giá		80.619.525.903	80.619.525.903
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(46.809.432.801)	(39.348.835.055)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.8	6.608.431	33.042.235
228	- Nguyên giá		530.484.000	530.484.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(523.875.569)	(497.441.765)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		20.437.952.067	21.100.458.609
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.9	20.437.952.067	21.100.458.609
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		172.201.803.540	195.012.543.220

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: Số 253/10 Lương Định Của, Phường An Phú, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2023

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		153.614.930.653	135.580.726.237
310	I. Nợ ngắn hạn		127.732.606.941	109.698.402.525
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.10	22.480.928.698	28.261.897.134
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.11	44.389.500	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.12	12.728.411.457	4.477.924.560
314	4. Phải trả người lao động		8.498.750	110.516.500
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.13	12.896.326.629	1.752.201.333
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.14	5.708.151.250	29.962.341
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.15a	73.865.900.657	75.065.900.657
330	II. Nợ dài hạn		25.882.323.712	25.882.323.712
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.15b	25.882.323.712	25.882.323.712
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		18.586.872.887	59.431.816.983
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.16	18.586.872.887	59.431.816.983
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		54.309.230.000	54.309.230.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		54.309.230.000	54.309.230.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		124.205.820	124.205.820
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		2.294.874.180	2.294.874.180
415	4. Cổ phiếu quỹ		(2.294.874.180)	(2.294.874.180)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		2.000.053.297	2.000.053.297
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(37.846.616.230)	2.998.327.866
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		2.998.327.866	(19.602.588.759)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		(40.844.944.096)	22.600.916.625
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		172.201.803.540	195.012.543.220

Người lập biểu



LÊ THANH PHƯƠNG

Kế toán trưởng



LÊ THANH PHƯƠNG



TP Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 4 năm 2024

Tổng Giám Đốc

TRẦN DUY KIÊU

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: Số 253/10 Lương Định Của, Phường An Phú, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	29.926.323.145	409.224.010.648
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		29.926.323.145	409.224.010.648
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	30.201.315.847	353.758.737.526
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(274.992.702)	55.465.273.122
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	165.467.243	1.309.639.111
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	11.144.125.296	8.332.068.196
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		11.144.125.296	7.843.676.083
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	423.597.833	14.478.487.653
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	16.511.643.641	11.830.703.092
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(28.188.892.229)	22.133.653.292
31	11. Thu nhập khác		-	588.260.321
32	12. Chi phí khác	VI.7	7.168.335.768	120.996.988
40	13. Lợi nhuận khác		(7.168.335.768)	467.263.333
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(35.357.227.997)	22.600.916.625
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.13	5.487.716.099	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(40.844.944.096)	22.600.916.625
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.8	(7.723)	4.273
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.9	(7.723)	4.273

Người lập biểu



LÊ THANH PHƯƠNG

Kế toán trưởng



LÊ THANH PHƯƠNG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 4 năm 2024



Tổng Giám Đốc



TRẦN DUY KIÊU

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023


ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế	V.12	(35.357.227.997)	22.600.916.625
	2. Điều chỉnh cho các khoản		34.044.003.181	17.970.797.227
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.7, 8	7.487.031.550	7.333.296.567
03	- Các khoản dự phòng	V.5	15.412.846.335	2.998.796.638
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	(61.292.190)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		-	(143.679.871)
06	- Chi phí lãi vay	VI.4	11.144.125.296	7.843.676.083
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(1.313.224.816)	40.571.713.852
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(3.479.269.596)	(76.564.773.262)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		398.721.058	103.426.010.408
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		2.602.363.021	(23.132.723.107)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		857.491.512	2.103.618.293
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	(7.843.676.083)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	-
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(933.918.821)	38.560.170.101
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	(6.000.000.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	381.981.800
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		-	777.546
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		-	(5.617.240.654)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	VII.1	-	168.710.108.055
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	VII.2	(1.200.000.000)	(201.799.367.051)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(1.200.000.000)	(33.089.258.996)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (20+30+40)		(2.133.918.821)	(146.329.549)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.187.114.459	2.328.111.499
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	5.332.509
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	53.195.638	2.187.114.459

Người lập biểu


LÊ THANH PHƯƠNG

Kế toán trưởng


LÊ THANH PHƯƠNG



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (tổng hợp) cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023 của Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên (sau đây gọi là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Nhà máy Chi nhánh

Công ty có đơn vị hạch toán phụ thuộc là Nhà máy Chi nhánh Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên, địa chỉ tại Lô B22, đường D2, KCN Phú An Thạnh, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.

6. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Do kinh tế thị trường toàn cầu khó khăn và các yếu tố bất lợi khác dẫn đến đơn đặt hàng các sản phẩm xe đẩy, thép và inox bị giảm mạnh. Ngoài ra, biến động giá cả, nguồn cung nguyên vật liệu cho nên Công ty không thể hạ giá thành sản phẩm để cạnh tranh dẫn đến giảm sức cạnh tranh. Điều này làm cho doanh thu và chi phí giảm mạnh so với năm trước.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 04 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 10 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 hàng năm và kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm liền kề sau đó.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, được sửa đổi và bổ sung theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài Chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (tổng hợp).

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, được sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài Chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (tổng hợp).

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính (tổng hợp)

Báo cáo tài chính (tổng hợp) được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính (tổng hợp) của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính (tổng hợp) của đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính (tổng hợp).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: Số 253/10 Lương Định Của, Phường An Phú, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: Số 253/10 Lương Định Của, Phường An Phú, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê đất là 37 năm.

Các chi phí trả trước khác

Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Máy móc và thiết bị	05-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05-07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05-07

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: Số 253/10 Lương Định Của, Phường An Phú, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

10. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

11. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

12. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được

13. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm thuế bảo vệ môi trường, thuế tiêu thụ đặc biệt liên quan đến hoạt động kinh doanh xăng dầu, các khoản giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh giảm giá hàng bán thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính (tổng hợp): ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính (tổng hợp) của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính (tổng hợp): ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính (tổng hợp) của năm sau.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính (tổng hợp) và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: Số 253/10 Lương Định Của, Phường An Phú, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (ĐVT: VND)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	5.754.504	2.138.800.000
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	47.441.134	48.314.459
Cộng	<u>53.195.638</u>	<u>2.187.114.459</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu ngắn hạn của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu ngắn hạn của các khách hàng khác</i>	84.355.599.152	109.520.158.033
- Công ty TNHH TM DV Quang Nguyên	51.376.154.450	50.270.674.902
- Công ty CP Xây lắp và DV TM Sài Gòn	11.715.484.179	24.635.313.471
- Công ty YTL International Inc	8.500.106.736	15.263.454.651
- Các khách hàng khác	12.763.853.787	19.350.715.009
Cộng (*)	<u>84.355.599.152</u>	<u>109.520.158.033</u>

(*) Trong đó, nợ quá hạn với số tiền là 59.817.952.452 đồng.

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho bên liên quan</i>	31.821.205.301	10.899.999.994
- Công ty TNHH Phú Minh Quân	31.821.205.301	10.899.999.994
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	9.142.827.126	2.945.545.217
- Công ty TNHH Walkman	7.853.922.217	1.853.922.217
- Công ty CP Kanson Vina	995.734.865	1.000.000.000
- Các nhà cung cấp khác	293.170.044	91.623.000
Cộng	<u>40.964.032.427</u>	<u>13.845.545.211</u>

4. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	737.628.400	-
- Bà Trần Duy Kiều (tạm ứng)	600.000.000	-
- Ông Khương Đức Cường (tạm ứng)	133.328.400	-
- Ông Nguyễn Đức Lâm Duy (tạm ứng)	4.300.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	846.806.053	56.437.442
- Tạm ứng	822.466.365	49.825.703
- Các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn	5.800.000	5.800.000
- Phải thu ngắn hạn khác	18.539.688	811.739
Cộng	<u>1.584.434.453</u>	<u>56.437.442</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: Số 253/10 Lương Định Của, Phường An Phú, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

5. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các bên liên quan		-	-		-	-
Các tổ chức và cá nhân khác		8.441.798.002	3.669.716.270		16.811.798.002	12.039.716.270
- Ông Phan Minh Phát > 3 năm		610.000.000	-	2 đến dưới 3 năm	610.000.000	-
- Ông Nguyễn Thành Phát > 3 năm		620.000.000	2.242.875	2 đến dưới 3 năm	620.000.000	2.242.875
- Ông Trần Minh Hoàng > 3 năm		520.000.000	-	2 đến dưới 3 năm	520.000.000	-
- Bà Nguyễn Hồng Phụng > 3 năm		234.000.000	29.702.383	2 đến dưới 3 năm	234.000.000	29.702.383
- Công ty TNHH Inox Phát Thành 2 đến dưới 3 năm		414.130.218	207.065.108	1 đến dưới 2 năm	414.130.218	207.065.108
- Các đối tượng khác 2 đến dưới 3 năm		269.690.040	99.921.484	> 3 năm	269.690.040	99.921.484
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thời Việt 1 đến dưới 2 năm		5.773.977.744	3.330.784.420	2 đến dưới 3 năm	14.143.977.744	11.700.784.420
- Công ty TNHH TM DV Quang Nguyên 6 tháng đến dưới 1 năm		51.376.154.450	35.963.308.115	-	-	-
- Các đối tượng khác 2 đến dưới 3 năm		269.690.040	99.921.484	2 đến dưới 3 năm	269.690.040	99.921.484
Cộng		59.817.952.452	39.633.024.385		30.351.808.729	3.912.815.669

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay (từ ngày 01/10/2022 đến 30/09/2023)	Năm trước (từ ngày 01/10/2021 đến 30/09/2022)
Số đầu năm	(4.772.081.732)	(881.920.607)
Trích lập dự phòng bổ sung	(15.412.846.335)	(3.890.161.125)
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	(20.184.928.067)	(4.772.081.732)

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	6.331.419.738	-	6.738.290.152	-
- Chi phí SXKD dở dang	570.412.674	-	561.226.216	-
- Thành phẩm	2.496.788.676	-	2.497.825.778	-
- Hàng hóa	21.000.000	-	21.000.000	-
Cộng	9.419.621.088	-	9.818.342.146	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: Số 253/10 Lương Định Của, Phường An Phú, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

7. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết xem Phụ lục số 01 – Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình.

8. Tài sản cố định vô hình

	Chương trình phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	530.484.000	530.484.000
Mua sắm trong năm	-	-
Thanh lý trong năm	-	-
Số cuối năm	530.484.000	530.484.000
<i>Trong đó:</i>		
- Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	398.315.000	398.315.000
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	497.441.765	497.441.765
Khấu hao trong năm	26.433.804	26.433.804
Thanh lý trong năm	-	-
Số cuối năm	523.875.569	523.875.569
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	33.042.235	33.042.235
Số cuối năm	6.608.431	6.608.431

9. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí thuê đất (*)	19.780.345.016	20.345.497.736
- Các chi phí trả trước dài hạn khác	657.607.051	2.098.162.137
Cộng	20.437.952.067	21.100.458.609

(*) Là chi phí thuê đất theo Hợp đồng cho thuê quyền sử dụng đất số 06/2017/HĐTĐ/PAT-LA ngày 17/08/2017. Mục đích thuê: xây dựng nhà máy sản xuất ứng dụng thép (ngành nghề không ô nhiễm). Thời hạn thuê: từ ngày ký hợp đồng cho đến hết ngày 19/09/2057.

Giá trị còn lại của tiền thuê đất trả trước tại ngày 30/09/2023 là 20.345.497.736 đồng đã được dùng để thế chấp, đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (xem tại thuyết minh mục V.15).

Tình hình biến động:

	Năm nay (từ ngày 01/10/2022 đến 30/09/2023)	Năm trước (từ ngày 01/10/2021 đến 30/09/2022)
- Số đầu năm	21.100.458.609	22.443.659.873
- Tăng trong năm	452.868.513	2.434.384.940
- Phân bổ trong năm	(1.115.375.055)	(3.777.586.204)
Số cuối năm	20.437.952.067	21.100.458.609

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: Số 253/10 Lương Định Của, Phường An Phú, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	22.480.928.698	28.261.897.134
- Jiashan Superpower Tools Co., Ltd	5.955.279.230	5.955.279.230
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Quang	5.581.382.443	10.581.382.443
- Các nhà cung cấp khác	10.944.267.025	11.725.235.461
Cộng	22.480.928.698	28.261.897.134

^(*) Trong đó, nợ quá hạn chưa thanh toán tại ngày 30/09/2023 là 22.162.007.885 đồng.**11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	20.000.000	-
- Công ty TNHH Phú Minh Quân	20.000.000	-
<i>Trả trước của các người bán khác</i>	24.389.500	-
- Chi nhánh Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt	13.500.000	-
- Công ty TNHH Fine Corporation	10.889.500	-
Cộng	47.098.643	-

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT đầu ra	721.535.513	-	2.953.921.347	(200.000.000)	3.475.456.860	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp ^(*)	3.209.706.836	-	5.487.716.099	-	8.697.422.935	-
Thuế thu nhập cá nhân	179.385.445	50.901.666	11.505.201	-	188.234.896	48.245.916
- Các loại thuế khác	-	1.279.760.529	-	-	-	1.279.760.529
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	367.296.766	-	-	-	367.296.766	-
Cộng	4.477.924.560	1.330.662.195	8.453.142.647	(200.000.000)	12.728.411.457	1.328.006.445

^(*) Trong đó, số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp chậm nộp là 3.209.706.836 đồng.**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: Số 253/10 Lương Định Của, Phường An Phú, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Năm nay (từ ngày 01/10/2022 đến 30/09/2023)	Năm trước (từ ngày 01/10/2021 đến 30/09/2022)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(35.357.227.997)	22.600.916.625
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	33.268.349.937	3.056.013.250
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	44.608.661.028	3.056.013.250
+ Chi phí lãi vay vượt 30%EBITDA	11.144.125.296	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	27.438.580.497	25.656.929.875
Lỗi các năm trước được chuyển	-	(25.656.929.875)
Thu nhập tính thuế	27.438.580.497	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	5.487.716.099	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	5.487.716.099	-

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

Toàn bộ là chi phí lãi vay, lãi quá hạn, lãi phạt phải trả cho Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam.

14. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả ngắn hạn cho bên liên quan	5.610.000.000	-
- Bà Trần Duy Kiều (*)	5.350.000.000	-
- Ông Huỳnh Đình Thành (**)	260.000.000	-
Phải trả ngắn hạn cho các tổ chức cá nhân khác	98.151.250	29.962.341
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Quang	52.119.710	-
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	46.031.540	29.962.341
Cộng	5.708.151.250	29.962.341

(*) Là khoản tiền Công ty mượn của Bà Trần Duy Kiều theo Hợp đồng mượn tiền số 251122/HDVT ký ngày 25 tháng 11 năm 2022. Mục đích: mượn để bổ sung vốn, sử dụng phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty. Thời hạn trả: tối đa 36 tháng kể từ ngày giải ngân.

(**) Là khoản tiền Công ty mượn của Ông Huỳnh Đình Thành theo Hợp đồng mượn tiền số 200123/HDVT ký ngày 20 tháng 01 năm 2023. Mục đích: mượn để bổ sung vốn, sử dụng phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty. Thời hạn trả: tối đa 36 tháng kể từ ngày giải ngân.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: Số 253/10 Lương Định Của, Phường An Phú, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn**15a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả cho bên liên quan	-	-	-	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả cho các tổ chức và cá nhân khác	68.551.641.848	68.551.641.848	69.380.478.525	69.380.478.525
- Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (*)	68.551.641.848	68.551.641.848	69.380.478.525	69.380.478.525
Vay dài hạn đến hạn trả	5.314.258.809	5.314.258.809	5.685.422.132	5.685.422.132
Cộng	73.865.900.657	73.865.900.657	75.065.900.657	75.065.900.657

Trong đó, số tiền vay ngân hàng đã quá hạn tại ngày 30/09/2023 là 67.325.052.452 đồng.

(*) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam theo Hợp đồng cấp tín dụng số CLN20150171/HĐCTD ngày 23/04/2015 và Phụ lục số CLN20150171/HĐCTD/PL01/2021 ký ngày 31/03/2021.

- Hạn mức tín dụng: 120.000.000.000 đồng;

- Thời hạn sử dụng hạn mức tín dụng: 12 tháng (kể từ ngày 31/03/2021 đến 31/03/2022);

- Mục đích: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (Không giải ngân kinh doanh thép phế);

- Lãi suất: theo từng giấy nhận nợ;

- Tài sản đảm bảo:

+ Quyền sử dụng đất và công trình nhà máy Minh Hữu Liên tại thửa đất số 1693, tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại xã An Thạnh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An thuộc sở hữu của Công ty theo Hợp đồng thế chấp số CNL2011812297053/HĐTC ngày 10/01/2019 (xem tại thuyết minh V.7 và V.9);

+ Khoản vay được bảo lãnh bởi Ông Trần Tuấn Minh (Chủ tịch HĐQT, miễn nhiệm ngày 05/05/2022) bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 5-7 đường Trần Điện, phường 10, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh (xem tại thuyết minh V.III);

+ Khoản vay được bảo lãnh bởi Ông Phạm Vĩnh Đức (Thành viên HĐQT, miễn nhiệm ngày 05/05/2022) và vợ là Bà Đinh Thị Thu Thảo bằng quyền sử dụng đất thửa đất số 617, tờ bản đồ số 51 tại địa chỉ phường An Phú Đông, quận 12, Tp. Hồ Chí Minh (xem tại thuyết minh V.III).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
- Vay ngân hàng	69.380.478.525	-	(828.836.677)	68.551.641.848
- Vay dài hạn đến hạn trả	5.685.422.132	-	(371.163.323)	5.314.258.809
Cộng	75.065.900.657	-	(1.200.000.000)	73.865.900.657

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: Số 253/10 Lương Định Của, Phường An Phú, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

15b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả cho bên liên quan	8.400.000.000	8.400.000.000	8.400.000.000	8.400.000.000
- Ông Trần Tuấn Minh (không là bên liên quan từ 05/5/2022)	8.400.000.000	8.400.000.000	8.400.000.000	8.400.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả cho các tổ chức và cá nhân khác	17.482.323.712	17.482.323.712	17.482.323.712	17.482.323.712
- Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (*)	17.482.323.712	17.482.323.712	17.482.323.712	17.482.323.712
Cộng	25.882.323.712	25.882.323.712	25.882.323.712	25.882.323.712

(*) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam theo Hợp đồng cấp tín dụng số CLN201912297002/HĐTD ngày 08/01/2019.

- Hạn mức tín dụng: 40.000.000.000 đồng;

- Thời hạn vay: từ ngày 09/01/2019 đến 30/08/2027;

- Mục đích: Trả nợ trước hạn khoản vay dài hạn đầu tư nhà xưởng tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong;

- Lãi suất: theo từng giấy nhận nợ;

- Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất và công trình nhà máy Minh Hữu Liên tại thửa đất số 1693, tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại xã An Thạnh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An thuộc sở hữu của Công ty theo Hợp đồng thế chấp số CNL2011812297053/HĐTC ngày 10/01/2019 (xem thuyết minh tại mục V.7 và V.9).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
- Vay ngân hàng	17.482.323.712	-	-	17.482.323.712
- Vay cá nhân	8.400.000.000	-	-	8.400.000.000
Cộng	25.882.323.712	-	-	25.882.323.712

16. Vốn chủ sở hữu**16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 02 đính kèm.

16b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
- Công ty CP Hữu Liên Á Châu	13.328.680.000	24,54	13.328.680.000	24,54
- Ông Huỳnh Đình Thành	12.450.000.000	22,92	12.450.000.000	22,92
- Các cổ đông khác	28.530.550.000	52,54	28.530.550.000	52,54
Cộng	54.309.230.000	100,00	54.309.230.000	100,00

Chi tiết Vốn chủ sở hữu của các cổ đông cập nhật tại ngày 30/09/2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: Số 253/10 Lương Định Của, Phường An Phú, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	54.309.230.000	54.309.230.000	-
Cộng	54.309.230.000	54.309.230.000	-

16c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ <i>Vốn góp đầu năm</i>	54.309.230.000	54.309.230.000
+ <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	-
+ <i>Vốn góp cuối năm</i>	54.309.230.000	54.309.230.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi	-	-

16d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.430.923	5.430.923
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	5.430.923	5.430.923
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.430.923	5.430.923
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(142.300)	(142.300)
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(142.300)	(142.300)
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.288.623	5.288.623
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.288.623	5.288.623
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**17a. Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	27,81	1.505,34

17b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV DVTM XNK Quyền Hưng	401.230.064	401.230.064
Công ty CP Đầu tư và XDCN C007A – XN Xây dựng số 9	224.887.040	224.887.040
Công ty Cổ phần Thống Nhất	180.120.000	180.120.000
Các khách hàng khác	413.242.343	413.242.343
Cộng	1.219.479.447	1.219.479.447

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: Số 253/10 Lương Định Của, Phường An Phú, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

17c. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê đất tối thiểu phải trả trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn (*) như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	565.152.720	565.152.720
Trên 1 năm đến 5 năm	2.825.763.600	2.825.763.600
Trên 5 năm	15.821.179.433	16.386.332.153
Cộng	<u>19.212.095.753</u>	<u>19.777.248.473</u>

(*) Là khoản tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Phú An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, thời gian thuê đến ngày 19/09/2057 theo Hợp đồng cho thuê quyền sử dụng đất số 06/2017/HĐTĐ/PAT-LA ngày 17/08/2017.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VND)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u> <u>(từ ngày 01/10/2022</u> <u>đến 30/09/2023)</u>	<u>Năm trước</u> <u>(từ ngày 01/10/2021</u> <u>đến 30/09/2022)</u>
- Doanh thu bán hàng hóa	29.926.323.145	210.792.496.601
- Doanh thu bán thành phẩm	-	198.431.514.047
Cộng	<u>29.926.323.145</u>	<u>409.224.010.648</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u> <u>(từ ngày 01/10/2022</u> <u>đến 30/09/2023)</u>	<u>Năm trước</u> <u>(từ ngày 01/10/2021</u> <u>đến 30/09/2022)</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	30.201.315.847	175.416.959.764
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	-	178.341.777.762
Cộng	<u>30.201.315.847</u>	<u>353.758.737.526</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u> <u>(từ ngày 01/10/2022</u> <u>đến 30/09/2023)</u>	<u>Năm trước</u> <u>(từ ngày 01/10/2021</u> <u>đến 30/09/2022)</u>
- Lãi tiền gửi ngân hàng	118.518	777.546
- Lãi chênh lệch tỷ giá	165.348.725	1.308.861.565
Cộng	<u>165.467.243</u>	<u>1.309.639.111</u>

4. Chi phí tài chính

Toàn bộ là chi phí lãi vay, lãi quá hạn, lãi phạt phải trả cho Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: Số 253/10 Lương Định Của, Phường An Phú, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay (từ ngày 01/10/2022 đến 30/09/2023)	Năm trước (từ ngày 01/10/2021 đến 30/09/2022)
- Chi phí cho nhân viên	-	3.053.702.595
- Chi phí dụng cụ, đồ dung	-	944.053.789
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	40.902.792	55.945.226
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	318.686.215	9.703.961.713
- Chi phí bằng tiền khác	64.008.826	720.824.330
Cộng	423.597.833	14.478.487.653

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay (từ ngày 01/10/2022 đến 30/09/2023)	Năm trước (từ ngày 01/10/2021 đến 30/09/2022)
- Chi phí cho nhân viên	348.754.559	5.095.159.577
- Chi phí đồ dùng văn phòng	2.772.000	158.774.565
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	403.106.580	426.269.769
- Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	15.412.846.335	3.890.161.125
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	202.193.991	1.464.679.979
- Chi phí bằng tiền khác	141.970.176	795.658.077
Cộng	16.511.643.641	11.830.703.092

7. Chi phí khác

	Năm nay (từ ngày 01/10/2022 đến 30/09/2023)	Năm trước (từ ngày 01/10/2021 đến 30/09/2022)
- Chi phí khấu hao TSCĐ không sử dụng	7.043.022.170	-
- Chi phí trả trước CCDC không sử dụng	125.312.967	-
- Chi phí khác	631	120.996.988
Cộng	7.168.335.768	120.996.988

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(40.844.944.096)	22.600.916.625
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(40.844.944.096)	22.600.916.625
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cp)	5.288.623	5.288.623
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)	(7.723)	4.273

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: Số 253/10 Lương Định Của, Phường An Phú, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

9. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(40.844.944.096)	22.600.916.625
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	(40.844.944.096)	22.600.916.625
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu (cp)	5.288.623	5.288.623
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cp)	(7.723)	4.273

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay (từ ngày 01/10/2022 đến 30/09/2023)	Năm trước (từ ngày 01/10/2021 đến 30/09/2022)
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	29.734.647.469	663.158.483.250
- Chi phí nhân công	366.468.684	131.540.338.849
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.487.031.542	33.149.197.360
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.097.919.426	212.930.827
- Chi phí bằng tiền khác	205.979.002	52.195.995.754
Cộng	53.973.248.594	880.256.946.040

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐVT: VND)**1. Tiền thu từ đi vay**

	Năm nay	Năm trước
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường tại các ngân hàng	-	168.710.108.055
Tiền thu từ đi vay của các tổ chức, cá nhân khác	-	-
Cộng	-	168.710.108.055

2. Tiền trả nợ gốc vay

	Năm nay	Năm trước
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường tại các ngân hàng	(1.200.000.000)	(201.799.367.051)
Tiền trả nợ vay của các tổ chức, cá nhân khác	-	-
Cộng	(1.200.000.000)	(201.799.367.051)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: Số 253/10 Lương Định Của, Phường An Phú, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Tài sản tiềm tàng**

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản tài sản tiềm tàng.

2. Nợ tiềm tàng

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản nợ tiềm tàng.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

3a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt. Chi tiết như sau:

Tiền lương	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
		(từ ngày 01/10/2022 đến 30/09/2023)	(từ ngày 01/10/2021 đến 30/09/2022)
Ông Khruu Chí Cường	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 17/02/2023)	51.183.000	323.823.000
Ông Lê Tấn Quốc	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 30/03/2022)	-	154.940.006
Ông Vương Thành Phát	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/06/2022)	-	166.342.000
Cộng		51.183.000	645.105.006

Trong năm, các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát không phát sinh tiền lương và thù lao tại Công ty.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
	(từ ngày 01/10/2022 đến 30/09/2023)	(từ ngày 01/10/2021 đến 30/09/2022)
Bà Trần Duy Kiều		
- Công ty mượn tiền	5.350.000.000	-
- Tạm ứng	600.000.000	-
Ông Huỳnh Đình Thành		
- Công ty mượn tiền	260.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: Số 253/10 Lương Định Của, Phường An Phú, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.4 và V.14.

3b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Công ty TNHH Phú Minh Quân	Công ty có lãnh đạo có liên quan đến thành viên chủ chốt trong Công ty
- Công CP Đầu tư BĐS Thành Công Group	Chung thành viên chủ chốt
- Công ty TNHH TM DV Tân Khánh Đạt	Chung thành viên chủ chốt
- Công ty CP TMDL Tân Thành	Chung thành viên chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan khác

	<u>Năm nay</u> <u>(từ ngày 01/10/2022</u> <u>đến 30/09/2023)</u>	<u>Năm trước</u> <u>(từ ngày 01/10/2021</u> <u>đến 30/09/2022)</u>
Công ty TNHH Phú Minh Quân		
- Mua hàng hóa	29.195.814.693	-
- Thu tiền ứng trước	20.000.000	-

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.10 và V.11.

3c. Bảo đảm của bên liên quan đến khoản vay ngân hàng

- Ông Trần Tuấn Minh (Chủ tịch HĐQT, miễn nhiệm ngày 05/05/2022) bảo lãnh khoản vay ngân hàng cho Công ty bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 5-7 đường Trần Điện, phường 10, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh (xem tại thuyết minh V.15a);
- Ông Phạm Vĩnh Đức (Thành viên HĐQT, miễn nhiệm ngày 05/05/2022) và vợ là Bà Đinh Thị Thu Thảo bảo lãnh khoản vay ngân hàng cho Công ty bằng quyền sử dụng đất thửa đất số 617, tờ bản đồ số 51 tại địa chỉ phường An Phú Đông, quận 12, Tp. Hồ Chí Minh (xem tại thuyết minh V.15a).

4. Khả năng hoạt động liên tục

Công ty đang tạm dừng các hoạt động sản xuất kinh doanh và chưa có khả năng thanh toán các khoản vay và các khoản nợ phải trả đã quá hạn với số tiền đã quá hạn lần lượt là 67.325.052.452 đồng và 22.162.007.885 đồng. Với các điều kiện trên cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, hiện tại Công ty đang tìm giải pháp để cân đối dòng tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty cũng như lập kế hoạch để tiếp tục hoạt động sản xuất trở lại. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: Số 253/10 Lương Định Của, Phường An Phú, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính (tổng hợp).

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 4 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



LÊ THANH PHƯƠNG

LÊ THANH PHƯƠNG

TRẦN DUY KIỀU

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: Số 253/10 Lương Định Của, Phường An Phú, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

PHỤ LỤC SỐ 01: CHI TIẾT TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm	39.890.000.638	36.680.363.906	3.516.901.359	532.260.000	80.619.525.903
- Tăng trong năm	-	-	-	-	-
- Giảm trong năm	-	-	-	-	-
2. Số dư cuối năm	39.890.000.638	36.680.363.906	3.516.901.359	532.260.000	80.619.525.903
Trong đó tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	10.890.730.256	1.513.750.996	-	12.404.481.252
II. Giá trị hao mòn					
1. Số dư đầu năm	15.956.000.256	19.926.666.762	3.049.231.084	416.936.953	39.348.835.055
- Tăng trong năm	3.989.000.064	3.054.022.114	311.123.580	106.451.988	7.460.597.746
+ Khấu hao	3.989.000.064	3.054.022.114	311.123.580	106.451.988	7.460.597.746
- Giảm trong năm	-	-	-	-	-
2. Số dư cuối năm	19.945.000.320	22.980.688.876	3.360.354.664	523.388.941	46.809.432.801
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	23.934.000.382	16.753.697.144	467.670.275	115.323.047	41.270.690.848
2. Tại ngày cuối năm	19.945.000.318	13.699.675.030	156.546.695	8.871.059	33.810.093.102

- Trong đó: Giá trị còn lại của tài sản cố định dùng để thế chấp là: 19.945.000.318 đồng (Như thuyết minh tại mục V.15).

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 01 tháng 4 năm 2024

Người lập biểu

LÊ THANH PHƯƠNG

Kế toán trưởng

LÊ THANH PHƯƠNG



TRẦN DUY KIỀU

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: Số 253/10 Lương Định Của, Phường An Phú, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

PHỤ LỤC SỐ 02: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7
1. Số dư đầu năm trước	54.309.230.000	124.205.820	2.294.874.180	(2.294.874.180)	2.000.053.297	(19.602.588.759)	36.830.900.358
2. Tăng trong năm trước	-	-	-	-	-	22.600.916.625	22.600.916.625
- Lợi nhuận tăng	-	-	-	-	-	22.600.916.625	22.600.916.625
3. Giảm trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm trước, đầu năm nay	54.309.230.000	124.205.820	2.294.874.180	(2.294.874.180)	2.000.053.297	2.998.327.866	59.431.816.983
5. Tăng trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
6. Giảm trong năm nay	-	-	-	-	-	(40.844.944.096)	(40.844.944.096)
- Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	(40.844.944.096)	(40.844.944.096)
7. Số dư cuối năm nay	54.309.230.000	124.205.820	2.294.874.180	(2.294.874.180)	2.000.053.297	(37.846.616.230)	18.586.872.887

Người lập biểu


LÊ THANH PHƯƠNG

Kế toán trưởng


LÊ THANH PHƯƠNG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 4 năm 2024

